

Số: 6181/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 175/CV-SĐ ngày 17/05/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 19/CV-SĐ ngày 05/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án “Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 7.466,46 m<sup>2</sup> thuộc phường Tràng Cát, quận Hải An”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ, địa chỉ trụ sở tại: số 768B Ngô Gia Tự, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 7.466,46 m<sup>2</sup> thuộc phường Tràng Cát, quận Hải

An” tại khu đất thuộc phường Tràng Cát (thuộc phạm vi Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 7.466,46 m<sup>2</sup> thuộc phường Tràng Cát, quận Hải An”.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: tại khu đất thuộc phường Tràng Cát (thuộc phạm vi Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200657272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19/12/2005, thay đổi lần thứ 6 ngày 13/03/2018.

1.4. Mã số thuế: 0200657272.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng Khu nhà ở thương mại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và giao thông đồng bộ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 7.466,46 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Xây dựng 71 căn nhà ở liền kề (xây dựng phần thô và hoàn thiện toàn bộ mặt ngoài), quy mô 04 tầng/căn, diện tích đất sử dụng: 4.316,56 m<sup>2</sup>.

+ Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm: đường giao thông, cấp, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, tường chắn, trạm xử lý nước thải đạt ngầm công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại khu đất hạ tầng kỹ thuật), diện tích đất sử dụng: 2.780,09 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích đất cây xanh, công viên: 369,81 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

24. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ có trách nhiệm:

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

### **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:**

Từ ngày 25 tháng 12 năm 2023 đến ngày 06 tháng 12 năm 2024.

(Theo thời gian sử dụng đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số 4117/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 7.466,46 m<sup>2</sup> thuộc phường Tràng Cát, quận Hải An).

### **Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký**

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

#### **Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- Các UBND: phường Tràng Cát, quận Hải An;
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sao Đỏ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.



**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6181/GPMT-BQL ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân tại 71 căn hộ của dự án.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

**2.1. Giai đoạn chưa xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông** (Theo Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND quận Hải An về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Tràng Cát, quận Hải An (6500 m<sup>2</sup>) và Quyết định số 5414/QĐ-BQL về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại phường Tràng Cát, quận Hải An, thuộc phạm vi ranh giới Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải)

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh An Kim Hải (nhánh 3) thuộc hệ thống thủy lợi An Hải.

- Vị trí xả thải:

Tọa độ: X(m) = 2304488.896; Y(m) = 602859.461 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>45' mũi chiếu 3<sup>o</sup>).

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải:

+ Xả theo mẻ khi lưu lượng nước thải đầu vào dưới 30% công suất hệ thống (< 21 m<sup>3</sup>/mẻ).

+ Xả thải liên tục (24 giờ/ngày) khi lưu lượng nước thải đầu vào trên 30% công suất hệ thống.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A; K = 1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải công nghiệp tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30		
3	TDS	mg/l	500		
4	TSS	mg/l	50		
5	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		
6	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		
7	Amoni	mg/l	5		
8	Sunfua	mg/l	1		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000		

**2.2. Giai đoạn Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông đi vào vận hành** ((theo Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND quận Hải An về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Tràng Cát, quận Hải An (6500 m<sup>2</sup>))

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải từ 71 bể tự hoại của các căn hộ thuộc dự án (Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom về tuyến ống D300 trên đường quy hoạch B=400 phía bắc dự án theo Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 quận Hải An và thoát về Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Toàn bộ nước thải rửa tay, nước thải từ bếp ăn được thu gom theo đường ống dẫn D90 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Nước thải từ các bồn cầu nhà vệ sinh của từng căn hộ được thu gom và xử lý sơ bộ qua 71 bể tự hoại (tổng dung tích 213 m<sup>3</sup>), sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm) của dự án.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh của từng căn hộ ở thương mại → bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 3 m<sup>3</sup>/căn hộ) → hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

+ Nước thải từ khu bếp nấu ăn của các nhà ở thương mại; nước rửa tay, chân, nước thoát sàn, nước giặt quần áo của các căn hộ → hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm: nước thải sau xử lý sơ bộ tại 71 bể tự hoại (tổng dung tích 213 m<sup>3</sup>) + Nước thải từ khu bếp nấu ăn của các nhà ở thương mại; nước rửa tay, chân, nước thoát sàn, nước giặt quần áo → bể thu gom → bể điều hòa → bể xử lý thiếu khí → bể xử lý hiếu khí → bể lắng lamen → bể khử trùng → kênh An Kim Hải (nhánh 3) thuộc hệ thống thủy lợi An Hải.

- Công suất thiết kế:

+ 71 bể tự hoại, tổng dung tích 213 m<sup>3</sup>.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorin, PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

- Tọa độ điểm xả nước thải:

+ 01 điểm xả: X(m) = 2304488.896; Y(m) = 602859.461.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

**2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

**2.3. Vị trí lấy mẫu:** tại 02 vị trí: tại bể thu gom và bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Stt	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn so sánh QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A; K=1)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
5	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30
6	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6
7	Amoni	mg/l	5
8	Sunfua	mg/l	1
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
11	Coliform	MPN/100ml	3.000

**2.5. Tần suất lấy mẫu:**

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A; K=1) về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải sinh hoạt.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ

trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào kênh An Kim Hải (nhánh 3) thuộc hệ thống thủy lợi An Hải (Giai đoạn Ủy ban nhân dân thành phố chưa đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông)/vào hệ thống thu gom nước thải về Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông (Giai đoạn Nhà máy xử lý nước thải Hồ Đông đi vào vận hành).



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6181/GPMT-BQL ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.6181/GPMT-BQL ngày 25 tháng 11 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh:**

+ Nguồn số 01: Khu vực của hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2302513,517; Y(m) = 602862,202.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ} 45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Thiết lập nội quy, lắp đặt đầy đủ các biển báo chỉ dẫn cho các phương tiện ra vào dự án.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6181/GPMT-BQL ngày 15 tháng 11 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	3
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 13	Rắn	100
4	Các loại bình xịt côn trùng	16 01 05	Rắn	6
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	3
6	Giẻ lau thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	2
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý mùi phát sinh của hệ thống xử lý nước thải	12 01 04	Rắn	50
8	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	10
	<b>Tổng</b>			<b>179</b>

1.2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 69 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 13.845 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 50 lít – 100 lít có nắp đậy bảo đảm theo quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 5 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ CTNH dạng lồng ra bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn (thùng phuy dung tích 50 lít - 100 lít), mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại.

- Chủ dự án và các hộ dân có trách nhiệm phân loại, thu gom CTNH phát sinh về kho lưu giữ CTNH. Chủ dự án quản lý và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

#### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa trong bể chứa bùn và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với các căn hộ: Các hộ dân tự bố trí thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt phù hợp.

+ Đối với khu vực công cộng: Chủ dự án bố trí thùng chứa rác tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Không có.

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.



trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6184./GPMT-BQL ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện bàn giao hạ tầng kỹ thuật của dự án cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.